Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG
Tầng 8, tòa nhà Daeha, số 360 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch
Bà Hoàng Thị Hồng Tứ	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2015)
Bà Đinh Ánh Phượng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2015)
Ông Lê Đình Quang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2015)
Bà Lê Thị Quỳnh Trang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 07 tháng 01 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Lê Minh Thành
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Toà nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 1039 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011-TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011-TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, số dư các khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty bao gồm 24.440.000.000 đồng đầu tư vào 2.440.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương, tương đương với tỷ lệ sở hữu 4,07%, không phù hợp với quy định của Thông tư 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính về **Hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ**. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào về các nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh liên quan đến việc nắm giữ khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, dựa trên thông tin thu thập được từ báo giá của ba (03) công ty chứng khoán, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Nguyễn Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1291-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B01-CTQ
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	**100**		**70.944.168.938**	**42.968.370.831**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**40.272.532.494**	**20.835.253.934**
1. Tiền	111		38.027.761.661	835.253.934
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.244.770.833	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**30.035.948.630**	**14.470.039.300**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		30.035.948.630	15.267.507.184
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(797.467.884)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**635.687.814**	**7.646.288.597**
1. Phải thu khách hàng	131		-	6.501.659.522
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	607.546.659	1.043.603.063
3. Các khoản phải thu khác	135	8	628.141.155	701.026.012
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(600.000.000)	(600.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**-**	**16.789.000**
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	16.789.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	**200**		**3.000.656.083**	**483.211.587**
I. Tài sản cố định	**220**		**60.088.888**	**-**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	60.088.888	-
- Nguyên giá	*222*		*67.600.000*	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(7.511.112)*	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**11**	**2.140.177.217**	**-**
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		8.400.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		2.511.644.800	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8.771.467.583)	-
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**800.389.978**	**483.211.587**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	702.658.378	483.211.587
2. Tài sản dài hạn khác	268		97.731.600	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**73.944.825.021**	**43.451.582.418**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B01-CTQ
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	**300**		**9.110.201.295**	**2.500.150.892**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**9.110.201.295**	**2.500.150.892**
1. Phải trả người bán	312		103.619.939	186.263.492
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	8.354.077.313	1.458.346.985
3. Phải trả người lao động	315		174.727.227	729.145.615
4. Chi phí phải trả	316		78.000.000	80.400.000
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		24.731.521	45.945.875
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		375.045.295	48.925
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**13**	**64.834.623.726**	**40.951.431.526**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**64.834.623.726**	**40.951.431.526**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		297.571.576	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		595.143.152	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.941.908.998	5.951.431.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**73.944.825.021**	**43.451.582.418**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		2.270.000.000	2.816.040.000
Trong đó:				
1.1. Chứng khoán giao dịch	*007*		*2.270.000.000*	*2.816.040.000*
2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		30.912.340.000	2.912.080.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	20	1.795.123.128	24.162.960.514
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	*031*		*1.795.123.128*	*24.162.960.514*
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	21	423.067.926.350	1.789.694.479.750
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	*041*		*423.067.926.350*	*1.789.694.479.750*
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		106.000.000.000	-
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		393.613.701	1.043.605.976

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Lê Minh Thành
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B02-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu	**01**		**6.865.050.624**	**36.702.794.393**
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	**10**	**14**	**6.865.050.624**	**36.702.794.393**
3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		3.405.963.520	2.389.205.023
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	**20**		**3.459.087.104**	**34.313.589.370**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	43.079.421.142	734.281.348
6. Chi phí tài chính	22	16	9.915.294.756	515.518.400
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	3.304.449.235	3.249.634.622
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	**30**		**33.318.764.255**	**31.282.717.696**
9. Thu nhập khác	31		128.180.760	1.200.000.000
10. Chi phí khác	32		70.000.000	70.288.115
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**58.180.760**	**1.129.711.885**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**33.376.945.015**	**32.412.429.581**
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	8.734.945.296	2.227.796.338
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	**60**		**24.641.999.719**	**30.184.633.243**
15. Lãi trên cổ phiếu	**70**	**19**	**7.041**	**8.624**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THÁI BÌNH DƯƠNG

Lê Minh Thành
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B03-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5.840.579.862	36.103.550.033
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(2.099.872.043)	(66.442.366)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.978.020.942)	(1.876.479.878)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.900.068.099)	(777.288.597)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.623.122.825	10.852.614.682
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.569.435.050)	(2.947.094.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(83.693.447)***	***41.288.859.491***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(643.600.000)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(73.258.330.448)	(21.463.539.122)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	93.422.831.455	-
4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***19.520.972.007***	***(21.463.539.122)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**19.437.278.560**	**19.825.320.369**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**20.835.253.934**	**1.009.933.565**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	**70**	**40.272.532.494**	**20.835.253.934**

Lê Minh Thành
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ 05-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng, giảm				Số dư cuối năm	
			Năm nay		Năm trước			
	Năm nay	Năm trước	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm nay	Năm trước
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	297.571.576	-	-	-	297.571.576	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	595.143.152	-	-	-	595.143.152	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.951.431.526	(24.233.201.717)	24.641.999.719	(1.651.522.247)	30.184.633.243	-	28.941.908.998	5.951.431.526
Cộng	**40.951.431.526**	**10.766.798.283**	**25.534.714.447**	**(1.651.522.247)**	**30.184.633.243**	**-**	**64.834.623.726**	**40.951.431.526**

Lê Minh Thành
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hapaco, trước đó là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Hải Phòng, là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Công ty được cấp Giấy phép quản lý quỹ theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16/UBCK-GPHĐQLQ ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 16 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI

Hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

Ngày 06 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Thông tư 146 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và áp dụng cho năm tài chính 2014 trở đi. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 146 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên giá mức giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác nhau có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng do Công ty thu thập, bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	2014 Số năm
Thiết bị quản lý	3

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí mua các dụng cụ, thiết bị văn phòng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá thị trường. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	-	220.488.255
Tiền gửi ngân hàng (i)	38.027.761.661	614.765.679
Các khoản tương đương tiền	2.244.770.833	20.000.000.000
	40.272.532.494	**20.835.253.934**

(i) Bao gồm trong đó số dư của một tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương ("TMCP") đã bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền từ ngày 05 tháng 01 năm 2015 (như trình bày tại **Thuyết minh số 25 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**). Số dư khoản tiền gửi này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.665.594.626 đồng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		31/12/2014		31/12/2013	
		Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn			**30.035.948.630**		**15.267.507.184**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	(i)	2.440.000	24.400.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương		227.000	5.334.500.000	274.500	6.450.750.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm Thủy Sản Bến Tre		6.980	301.448.630	6.980	301.448.630
Công ty Cổ phần Thủy sản và Dịch vụ Thương mại Hà Nội		-	-	66.954	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội	(ii)	-	-	224.254	2.511.644.800
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn		-	-	31	1.351.249
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn		-	-	18	1.258.775
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng		-	-	65	650.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn		-	-	10	403.730
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			-		**(797.467.884)**
			30.035.948.630		**14.470.039.300**

(i) Thể hiện số tiền đầu tư vào 2.440.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương, tương đương với tỷ lệ sở hữu 4,07%, không phù hợp với quy định của Thông tư 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính về **Hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý quỹ**. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào về các nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh liên quan đến việc nắm giữ khoản đầu tư này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, dựa trên thông tin thu thập được từ báo giá của ba (03) công ty chứng khoán, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã phân loại lại khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội sang khoản "Đầu tư dài hạn khác". Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng việc phân loại lại này là phù hợp với thay đổi trong kế hoạch kinh doanh của Công ty. Theo đó, Công ty sẽ không thực hiện thanh lý, chuyển nhượng khoản đầu tư này trong vòng 12 tháng tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) — **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	326.374.131	817.275.738
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	281.172.528	226.327.325
	607.546.659	**1.043.603.063**

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (i)	600.000.000	600.000.000
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	9.259.680	81.666.666
Các khoản phải thu khác	18.881.475	19.359.346
	628.141.155	**701.026.012**

(i) Phản ánh khoản phải thu Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng đã quá hạn từ năm 2010. Công ty đã trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị quản lý VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2014	-
Tăng trong năm	67.600.000
Tại ngày 31/12/2014	**67.600.000**
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2014	-
Khấu hao trong năm	7.511.112
Tại ngày 31/12/2014	**7.511.112**
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/12/2014	**60.088.888**
Tại ngày 31/12/2013	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí lắp đặt văn phòng	564.666.666	343.706.000
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	137.991.712	139.505.587
	702.658.378	**483.211.587**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	8.400.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác (ii)	2.511.644.800	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(8.771.467.583)	-
	2.140.177.217	**-**

(i) Thể hiện giá trị đầu tư vào 420.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Vui chơi thế hệ mới, tương đương với tỷ lệ sở hữu 35%. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và xác nhận rằng việc phân loại và trình bày khoản đầu tư này là phù hợp với định hướng nắm giữ của Công ty cũng như các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Đầu tư vào Công ty liên kết.

(ii) Đầu tư tài chính dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 224.254 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kính mắt Hà Nội, tương đương với tỷ lệ sở hữu là 7%. Trước ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư này đang được theo dõi tại khoản "Đầu tư ngắn hạn". Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã phân loại lại khoản đầu tư sang "Đầu tư dài hạn khác" do Công ty không có ý định bán khoản đầu tư này trong vòng ít nhất 12 tháng tới như trình bày tại Thuyết minh số 6. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản đầu tư này. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn này là thận trọng và phù hợp.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.285.384.938	1.450.507.741
Thuế thu nhập cá nhân	68.692.375	7.839.244
	8.354.077.313	**1.458.346.985**

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	**35.000.000.000**	**-**	**-**	**(24.233.201.717)**	**10.766.798.283**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	30.184.633.243	30.184.633.243
Tại ngày 01/01/2014	**35.000.000.000**	**-**	**-**	**5.951.431.526**	**40.951.431.526**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.641.999.719	24.641.999.719
Trích lập các quỹ (i)	-	297.571.576	595.143.152	(1.651.522.247)	(758.807.519)
Tại ngày 31/12/2014	**35.000.000.000**	**297.571.576**	**595.143.152**	**28.941.908.998**	**64.834.623.726**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thái Bình Dương ngày 05 tháng 5 năm 2014, Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2013 với tỷ lệ tương ứng là 10%, 5% và 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	6.865.050.624	36.702.794.393
	6.865.050.624	**36.702.794.393**

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi bán chứng khoán (i)	41.265.442.733	-
Lãi tiền gửi	1.813.907.409	734.281.348
Cổ tức, lợi nhuận được chia	71.000	-
	43.079.421.142	**734.281.348**

(i) Phản ánh khoản lãi từ các nghiệp vụ chuyển nhượng cổ phần trong năm, trong đó chủ yếu là khoản lãi từ nghiệp vụ chuyển nhượng 667.306 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giống vật nuôi Hà Nội với số tiền 41.186.392.733 đồng cho doanh nghiệp tư nhân Hà Bảo theo hợp đồng chuyển nhượng số 0108/2014/PAMCO/HĐMB ngày 01 tháng 8 năm 2014.

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lỗ bán chứng khoán (i)	1.941.295.057	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán	7.973.999.699	515.518.400
	9.915.294.756	**515.518.400**

(i) Phản ánh khoản lỗ từ các nghiệp vụ chuyển nhượng cổ phần trong năm, trong đó chủ yếu là khoản lỗ từ chuyển nhượng 2.830.900 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương với số tiền 1.938.679.903 đồng.

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.632.010.029	1.857.635.005
Chi phí vật liệu, dụng cụ	565.328.153	248.645.511
Chi phí khấu hao	7.511.112	25.308.510
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	180.000.000
Chi phí khác	1.099.599.941	938.045.596
	3.304.449.235	**3.249.634.622**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014 VND	2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế TNDN	**33.376.945.015**	**32.412.429.581**
Điều chỉnh cho các khoản		
Trừ:		
Thu nhập không chịu thuế	71.000	-
Chi phí trích trước không được khấu trừ trong năm trước	80.400.000	-
Cộng:		
Chi phí không được khấu trừ	6.407.822.783	260.400.000
Thu nhập chịu thuế	**39.704.296.798**	**32.672.829.581**
Lỗ lũy kế mang sang	-	(23.761.644.231)
Thu nhập chịu thuế sau khi cộng lỗ thuế	**39.704.296.798**	**8.911.185.350**
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**8.734.945.296**	**2.227.796.338**

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	24.641.999.719	30.184.633.243
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	7.041	8.624

20. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	24.162.960.514	44.762.434.789
Số tăng trong năm	865.912.917.503	1.403.808.338.220
Số giảm trong năm	888.280.754.889	1.424.407.812.495
Số dư cuối năm	**1.795.123.128**	**24.162.960.514**

21. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	2014 VND	2013 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
- Cổ phiếu niêm yết	162.744.528.400	910.854.248.800
- Cổ phiếu không niêm yết	260.323.397.950	878.840.230.950
	423.067.926.350	**1.789.694.479.750**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối liên hệ
Ông Lê Minh Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngân hàng TMCP Đại Dương	Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Tài sản Leadvisor	Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hội đồng Quản trị	Chủ sở hữu
Ban Tổng Giám đốc	Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Vui chơi Thế hệ mới	Công ty liên kết

Chi tiết số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và giao dịch chủ yếu phát sinh trong năm 2014 với các bên liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Đại Dương	9.665.594.626	605.434.646
Phải thu hoạt động nghiệp vụ		
Ngân hàng TMCP Đại Dương	142.517.159	314.287.474
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Tài sản Leadvisor	-	6.501.144.322
Phải trả khác		
Ông Lê Minh Thành	-	29.007.000
Giá trị danh mục do nhà đầu tư gửi ủy thác		
Ngân hàng TMCP Đại Dương	-	717.484.839.263
Khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác		
Ngân hàng TMCP Đại Dương	106.000.000.000	-

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu quản lý danh mục		
Ngân hàng TMCP Đại Dương	2.569.192.325	2.867.050.046
Thu nhập khác từ lãi chậm trả về chuyển nhượng cổ phần		
Công ty TNHH Quản lý và Khai thác Tài sản Leadvisor	128.180.760	-
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	880.891.017	585.829.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng)		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.272.532.494	20.835.253.934	40.272.532.494	20.835.253.934
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.035.948.630	15.267.507.184	30.035.948.630	14.470.039.300
Phải thu khách hàng	-	6.501.659.522	(i)	(i)
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	607.546.659	1.043.603.063	(i)	(i)
Các khoản phải thu khác	628.141.155	701.026.012	(i)	(i)
Tài sản dài hạn khác	97.731.600	-	(i)	(i)
	71.641.900.538	**44.349.049.715**		
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	103.619.939	186.263.492	(i)	(i)
Chi phí phải trả	78.000.000	80.400.000	(i)	(i)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24.731.521	45.945.875	(i)	(i)
	206.351.460	**312.609.367**		

(i) Ngoại trừ các khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và có chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong năm, Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ. Vì vậy, công ty không chịu rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất đối với Công ty bắt nguồn từ những thay đổi tiềm tàng trong giá trị của các tài sản và công nợ tài chính do biến động lãi suất thị trường. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của Công ty trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro lãi suất do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro về giá công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ mục đích kinh doanh. Biến động giá thị trường ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư của Công ty cũng như lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư. Để phòng ngừa rủi ro về giá (giảm giá chứng khoán đầu tư), Công ty đã đa dạng hóa danh mục đầu tư, xây dựng hạn mức đầu tư. Ngoài ra, việc cơ cấu các khoản đầu tư cũng giúp cho Công ty phòng ngừa được rủi ro về giảm giá các khoản đầu tư trong điều kiện thị trường khó khăn như hiện nay. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro giá thị trường của cổ phiếu do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.272.532.494	-	40.272.532.494
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.035.948.630	-	30.035.948.630
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	607.546.659	-	607.546.659
Các khoản phải thu khác	628.141.155	-	628.141.155
Tài sản dài hạn khác	-	97.731.600	97.731.600
Tổng cộng	**71.544.168.938**	**97.731.600**	**71.641.900.538**
Phải trả người bán	103.619.939	-	103.619.939
Chi phí phải trả	78.000.000	-	78.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24.731.521	-	24.731.521
Tổng cộng	**206.351.460**	**-**	**206.351.460**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**71.337.817.478**	**97.731.600**	**71.435.549.078**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.835.253.934	-	20.835.253.934
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	15.267.507.184	-	15.267.507.184
Phải thu khách hàng	6.501.659.522	-	6.501.659.522
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.043.603.063	-	1.043.603.063
Các khoản phải thu khác	701.026.012	-	701.026.012
Tổng cộng	**44.349.049.715**	**-**	**44.349.049.715**
Phải trả người bán	186.263.492	-	186.263.492
Chi phí phải trả	80.400.000	-	80.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	45.945.875	-	45.945.875
Tổng cộng	**312.609.367**	**-**	**312.609.367**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**44.036.440.348**	**-**	**44.036.440.348**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B09-CTQ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 06 tháng 01 năm 2015, Công ty nhận được thông báo về việc tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đại Dương đã bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Số dư khoản tiền gửi này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.665.594.626 đồng. Công ty đã gửi công văn giải trình về vấn đề này tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 19 tháng 01 năm 2015, Công ty nhận được thông báo từ Ngân hàng TMCP Đại Dương về việc mở phong tỏa tài khoản để thực hiện chi trả cho các hoạt động của Công ty. Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng sự kiện này không ảnh hưởng trọng yếu đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Lê Minh Thành
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng
Người lập biểu

***